

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8.5/2006/NQ-HĐND

Đông Hà, ngày 09 tháng 12 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

**Về Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư XDCB năm 2007
và phê duyệt danh mục công trình trọng điểm của tỉnh.**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ KHOÁ V, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 14/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ về Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2007; Quyết định số 161/QĐ-BKH ngày 15/11/2006 của Bộ Kế hoạch đầu tư về Giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước năm 2007;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 2789/TTr-UBND ngày 22/11/2006; Báo cáo số 110/BC-UBND ngày 22/11/2006 của UBND tỉnh về Tình hình thực hiện đầu tư XDCB năm 2006 và kế hoạch năm 2007; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế- Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2007 và danh mục các công trình trọng điểm của tỉnh với các nội dung chủ yếu sau:

- | | |
|--|---------------------------|
| 1. Tổng vốn ngân sách đầu tư địa phương quản lý: | 882.710 triệu đồng |
| Bao gồm: | |
| 1.1. Vốn cân đối ngân sách địa phương: | 175.030 triệu đồng |
| Trong đó: - Vốn ngân sách cân đối: | 105.030 triệu đồng |
| - Vốn đầu tư từ thu tiền sử dụng đất: | 70.000 triệu đồng |
| 1.2. Vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu : | 363.475 triệu đồng |
| 1.3. Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: | 118.154 triệu đồng |
| 1.4. Vốn trái phiếu Chính phủ: | 69.500 triệu đồng |
| 1.5. Vốn nước ngoài (ODA, JBIC): | 156.551 triệu đồng |
| 2. Danh mục các dự án trọng điểm: | |

- Các công trình Kỷ niệm 100 năm ngày sinh cố Tổng Bí thư Lê Duẩn;
- Cơ sở hạ tầng đô thị thị xã Đông Hà;
- Cơ sở hạ tầng các Khu công nghiệp;
- Cơ sở hạ tầng Khu du lịch Cửa Việt- Cửa Tùng;
- Cầu Cửa Việt;
- Nhà máy xi măng Cam Lộ 35 vạn tấn/năm, Nhà máy may XK Đông Hà;
- Bệnh viện đa khoa tỉnh (500 giường).

3. Danh mục các chương trình, dự án đầu tư phát triển, vốn đầu tư phân bổ cho từng công trình, dự án và cân đối ngân sách cho các huyện, thị xã theo các phụ lục đính kèm.

Riêng Trụ sở Sở Tài chính: Chỉ bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, phần vốn còn lại bố trí cho các công trình, dự án khác.

Điều 2. Thông qua các giải pháp thực hiện về đầu tư xây dựng cơ bản 33 năm 2007 theo báo cáo của UBND tỉnh, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách và nhấn mạnh một số vấn đề cơ bản sau:

UBND tỉnh chỉ đạo các sở, Ban ngành, địa phương và các chủ đầu tư dự án thực hiện đúng những quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định liên quan về đầu tư xây dựng cơ bản; chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các nguồn vốn của nhà nước, bao gồm: Vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn doanh nghiệp nhà nước; thực hiện các biện pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân từ đầu năm kế hoạch. Đối với các dự án đến 30/10 không hoàn thành các thủ tục xây dựng cơ bản thì kiên quyết không bố trí vốn đầu tư năm sau.

Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 6.5/2005/NQ-HĐND ngày 15/12/2005 của HĐND tỉnh về bổ sung, điều chỉnh Nghị quyết 7e của HĐND tỉnh khoá IV về giải phóng mặt bằng để xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm. Các dự án trước khi tổ chức đấu thầu phải tiến hành xong công tác giải phóng mặt bằng và được bố trí vốn đầu tư mới cho tiến hành triển khai đấu thầu. Tập trung chỉ đạo, tăng năng lực để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

Nâng cao trách nhiệm chủ đầu tư. Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện về hiệu quả, chất lượng và tiến độ thực hiện dự án. Tiếp tục rà soát và kiện toàn năng lực các Ban Quản lý dự án lớn của tỉnh. Nâng cao năng lực công tác tư vấn đầu tư, chất lượng thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở, thẩm định về đấu thầu; tăng cường năng lực các phòng thẩm định tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng và Sở có xây dựng chuyên ngành, các phòng chuyên môn cấp huyện trong công tác quản lý về đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng.

Cải thiện môi trường đầu tư, thu hút đầu tư của tất cả các thành phần kinh tế. Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư và hội nhập kinh tế quốc tế. Hoàn thiện danh mục các chương trình dự án lớn của tỉnh để thu hút vốn ODA và kêu gọi các dự án đầu tư trên tuyến Hành lang kinh tế Đông Tây.

Triển khai thực hiện Luật Đầu tư, xây dựng Quy chế về khuyến khích ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh theo hướng công khai các quy trình, các thủ tục hành chính, đơn giản hoá thủ tục đầu tư, rút ngắn thời gian thẩm định, cấp phép đầu tư.

Tăng cường công tác quản lý đầu tư; chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai và thực hiện nghiêm túc theo Nghị định số 16/2006/CP, số 112/2006/CP, số 111/2006/CP của Chính phủ về quản lý đầu tư và xây dựng công trình xây dựng cơ bản. Rà soát năng lực của các đơn vị tư vấn trên địa bàn, phân hạng các đơn vị tư vấn để thực hiện các công việc đúng với năng lực. Xây dựng các chế tài xử lý những đơn vị, cá nhân vi phạm quy trình, quy phạm, gây thất thoát lãng phí trong đầu tư. Kiểm tra năng lực của các nhà thầu vi phạm tiến độ, năng lực thực tế để phân hạng nhà thầu và chế tài xử phạt về đấu thầu theo Nghị định của Chính phủ.

Chú trọng công tác giám sát đầu tư, đánh giá đầu tư, giám sát đầu tư cộng đồng theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra đầu tư xây dựng cơ bản và có biện pháp xử lý kịp thời. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng và công khai hoá các quy trình, đơn giản hoá thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản, rút ngắn thời gian thẩm định và phê duyệt. Tăng cường các biện pháp phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm trong đầu tư xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý.

Tăng cường thực hiện tốt công tác bảo hành, bảo trì, vận hành công trình khi đưa vào sử dụng và công tác quản lý sau đầu tư.

Điều 3. HĐND tỉnh giao cho UBND tỉnh quyết định phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho từng chương trình, dự án cụ thể và ngân sách cho đầu tư phát triển của các huyện, thị xã theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và chỉ tiêu phân bổ vốn đầu tư phát triển.

Xây dựng phương án và tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách tập trung của tỉnh giai đoạn 2007 - 2010 theo Quyết định 210/QĐ-TTg ngày 12/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ trình HĐND tỉnh kỳ họp thứ 9 quyết định.

Điều 4. HĐND giao trách nhiệm cho Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND, đại biểu HĐND tỉnh tăng cường công tác giám sát việc thực hiện Nghị quyết về Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2007 và danh mục các công trình trọng điểm theo lĩnh vực và phạm vi trách nhiệm đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2006 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua Nghị quyết này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Việt Nền

NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ NĂM 2007

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết 8.5/2006/NQ-HĐND
ngày 09/12/2006 của HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 8)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Vốn dự kiến bố trí	Ghi chú
	Tổng số	882.710	
1	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung	175.030	
1.1	Vốn ngân sách cân đối	105.030	
1.2	Vốn thu từ quỹ đất	70.000	
2	Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu và chương trình mục tiêu	481.629	
2.1	Hỗ trợ có mục tiêu	293.475	
	- Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị	30.700	
	- Chương trình biển Đông Hải đảo	32.700	
	- Hỗ trợ đồng bào dân tộc (Chương trình 134)	22.000	
	- Hạ tầng cửa khẩu	20.000	
	- Hạ tầng du lịch	21.000	
	- Chương trình nuôi trồng thủy sản	10.000	
	- Hạ tầng làng nghề	3.000	
	- Hạ tầng chợ	2.000	
	- Hỗ trợ huyện xã chia tách	10.000	
	- Đầu tư Y tế tỉnh, huyện	13.000	
	- Trụ sở xã	2.000	
	- Chương trình quản lý biên giới	11.000	
	- Công trình Thể dục- Thể thao	6.000	
	- Phủ sóng Phát thanh- Truyền hình	1.000	
	- Hạ tầng Khu công nghiệp	10.000	
	- Vốn đối ứng ODA	29.000	
	- Tin học hoá cơ quan Đảng (Đề án 47)	2.475	
	- Chương trình bố trí lại dân cư	10.600	
	- Chương trình đê biển	8.000	
	- Chương trình khác	49.000	

TT	Nguồn vốn	Vốn dự kiến bố trí	Ghi chú
2.2	Chương trình mục tiêu quốc gia	79.258	
	- Chương trình Xoá đói giảm nghèo	4.550	
	- Chương trình Dân số- Kế hoạch hóa gia đình	4.441	
	- Chương trình Phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS	5.348	
	- Chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	4.300	
	- Chương trình Văn hoá	7.950	
	- Chương trình Giáo dục- Đào tạo	50.300	
	- Chương trình Phòng, chống tội phạm	620	
	- Chương trình Phòng, chống ma tuý	1.000	
	- Chương trình bảo đảm chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm	589	
	- Chương trình việc làm (1)	160	
2.3	Chương trình 135	23.336	
2.4	Chương trình 5 triệu ha rừng	13.560	
2.5	Chương trình Phát thanh- Truyền hình	2.000	
2.6	Công trình văn hoá đặc biệt	70.000	
3	Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ	69.500	
3.1	Đường giao thông đến trung tâm các xã chưa có đường ô tô	2.500	
3.2	Các công trình thuỷ lợi miền núi	42.000	
3.3	Dự án tái định cư thuỷ điện	25.000	
4	Nguồn vốn nước ngoài	156.551	Gồm vốn JBIC

Ghi chú: (1) Không bao gồm 3.500 triệu đồng vốn cho vay giải quyết việc làm bổ sung mới đã chuyển sang Ngân hàng Chính sách xã hội.

Biểu 2:**CƠ CẤU VỐN BỔ TRÍ CHO CÁC NGÀNH KẾ HOẠCH 2007**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 8.5/2006/NQ-HĐND ngày 09/12/2006 của HĐND tỉnh, khóa V, kỳ họp thứ 8)

* Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản do địa phương quản lý KH 2007:
879.110 triệu đồng

Trong đó:

- | | |
|------------------------------------|--------------------|
| 1. Số vốn chưa phân bổ: | 112.520 triệu đồng |
| - Quy hoạch và chuẩn bị đầu tư: | 5.000 triệu đồng |
| - Công trình đã quyết toán: | 2.000 triệu đồng |
| - Chương trình biển Đông- Hải đảo: | 32.700 triệu đồng |
| - Phân cấp huyện, thị xã quản lý: | 72.820 triệu đồng |
| 2. Phân bổ các ngành: | 766.590 triệu đồng |

TT	Ngành	KH 2007 (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
	Tổng số	766.590	100,00	
1	Công nghiệp	36.880	4,81	
2	Nông nghiệp- Phát triển nông thôn	245.646	32,04	
3	Thủy sản	10.000	1,30	
4	Giao thông	135.700	17,70	
5	Y tế- Xã hội	26.478	3,45	
6	Giáo dục- Đào tạo	65.000	8,48	
7	Văn hoá- Thông tin, Thể dục- Thể thao	62.400	8,14	
8	Xây dựng (Cấp nước và Vệ sinh môi trường, công cộng)	102.221	13,33	
9	Thương mại- Du lịch- Dịch vụ	47.600	6,21	
10	An ninh- Quốc phòng	19.090	2,49	
11	Quản lý nhà nước	15.575	2,03	

Ghi chú: (*) Các dự án ODA ngoài địa bàn thị xã tính cho Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

BIỂU 3**PHÂN BỐ NGUỒN VỐN XDCB TẬP TRUNG TỈNH QUẢN LÝ
KẾ HOẠCH XDCB NĂM 2007**

(Kèm theo Nghị quyết số 8.5/2006/NQ-HĐND ngày 09/12/2006 của HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 8)

Tổng số:	175.030 triệu đồng
- Ngân sách tỉnh:	105.030 triệu đồng
- Nguồn thu từ quỹ đất (Tỉnh 32.600 triệu đồng; huyện, thị xã 37.400 triệu đồng):	70.000 triệu đồng
Bố trí:	
a) Nguồn vốn ngân sách cân đối:	105.030 triệu đồng
+ Trả nợ vay Ngân hàng Phát triển để đầu tư KCHKM và GTNT:	17.340 triệu đồng
+ Tỉnh quản lý:	52.270 triệu đồng
+ Phân cấp huyện thị:	35.420 triệu đồng
b) Nguồn thu từ quỹ đất:	70.000 triệu đồng
+ Tỉnh quản lý (Gồm trả nợ vay Kho bạc 30.000 triệu đồng, bố trí 2.600 triệu đồng):	32.600 triệu đồng
+ Huyện thị quản lý:	37.400 triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư hoặc TDT	Ước TH KL đến 31/12/2006	Trong đó đã cấp phát	Kế hoạch năm 2007	Ghi chú
	TỔNG SỐ (A + B)				514.085	154.743	112.128	54.870	
A.	Vốn ngân sách cân đối				493.319	152.443	109.863	52.270	
I	Quy hoạch	Toàn tỉnh		2007				3.000	
II	Chuẩn bị đầu tư	Toàn tỉnh		2007				2.500	
III	Công trình đã quyết toán	Toàn tỉnh		2007				2.000	
IV	Hỗ trợ ưu đãi đầu tư	Toàn tỉnh		2007				1.700	
V	Công nghiệp				145.000	10.000	8.100	2.000	
<i>1</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>								
	- CSHT Khu công nghiệp Quán Ngang	Ban QL các khu CN	138,9 ha	2005-2009	145.000	10.000	8.100	2.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư hoặc TDT	Ước TH KL đến 31/12/2006	Trong đó đã cấp phát	Kế hoạch năm 2007	Ghi chú
VI	Nông - lâm - ngư nghiệp				42.150	11.920	3.680	2.600	
1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>								
	-Trạm Chế biến và các kho hạt giống (Giai đoạn 1+2)	Trung tâm Giống	1tấn/giờ, 800tấn/N	2006-2007	7.300	3.900	3.210	1.000	
	- Dự án Làng thanh niên lập nghiệp miền Tây Vĩnh Linh	Tỉnh Đoàn		2005-2008	26.750	8.000	450	500	NS tỉnh 2.978
2	<i>Dự án khởi công mới</i>								
	- Trung tâm Khuyến ngư tỉnh	Trung tâm Khuyến ngư		2007	1.200	20	20	600	HT
	- Hỗ trợ Trung tâm Dạy nghề và hỗ trợ nông dân tỉnh	Hội Nông dân tỉnh		2007-2008	6.900	0	0	500	NS tỉnh 2.300
VII	Giao thông - Vận tải				80.670	25.285	12.655	6.300	
1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>								
	- Đường Lý Thường Kiệt thị xã Đông Hà	Sở Giao thông - Vận tải	2,86km	2002-2007	11.980	6.309	6.300	2.500	HT
	- Đường Lê Thánh Tông - TX Đông Hà (km0+300 - km1+515)	Sở Giao thông - Vận tải	1,215km	2003-2007	12.500	5.000	4.126	1.200	
	- Đường Tà Rụt - A Vao (Trả nợ đền bù)	Sở Giao thông - Vận tải		2005-2006	13.076	13.076	1.329	450	NS 1783
	-Đường Trung tâm thị trấn Đakrông	UBND huyện Đakrông	1,24km	2005-2006	8.859	900	900	500	NS1400
2	<i>Dự án khởi công mới</i>								
	- Cầu Bắc Phước	Sở Giao thông - Vận tải	373m	2007-2009	28.225	0	0	1.000	
	- Trung tâm Sát hạch cấp giấy phép lái xe	Sở Giao thông - Vận tải	Cấp giấy phép loại II	2007-2008	6.030	0	0	650	NS 650
VIII	Thương mại - Dịch vụ				15.369	8.900	5.500	1.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư hoặc TDT	Ước TH KL đến 31/12/2006	Trong đó đã cấp phát	Kế hoạch năm 2007	Ghi chú
1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>								
	- Chợ Diên Sanh, Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng	350 lô quầy	2005-2007	15.369	8.900	5.500	1.000	Hỗ trợ huyện
IX	Công cộng - Cấp nước				75.888	28.718	25.355	9.100	
1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>								
	- Trung tâm Dịch vụ - Hội nghị tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	100 giường	2005-2007	29.870	10.400	9.197	6.000	
	- Cấp nước thị trấn Hải Lăng	Công ty CTN Quảng Trị	2.000m ³ / ngày đêm	2004-2006	15.418	15.418	13.258	800	Trả nợ KLHT
	- Cấp nước thị trấn Cam Lộ	Công ty CTN Quảng Trị	3.000m ³ / ngày đêm	2005-2007	18.000	1.600	1.600	1.300	NS 7340
	- Cấp nước thị trấn Bến Quan	Công ty CTN Quảng Trị	2.000m ³ / ngày đêm	2005-2007	12.600	1.300	1.300	1.000	NS 4783
X	Y tế				4.770	4.770	4.030	500	
1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>								
	- Trường Trung học y tế tỉnh Quảng Trị	Sở Y tế	2.031m ²	2005-2006	4.770	4.770	4.030	500	HT, NS 2.140
XI	Văn hoá - Thông tin, TDTT				47.010	34.250	28.250	3.900	
1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>								
	- Sân Vận động Đông Hà	Sở TD - TT	18000 chỗ	2004-2007	22.700	18.000	12.000	800	Trả nợ KL
	- Bảo tàng tỉnh	Sở VH-TT	4.400 m ²	2000-2007	24.310	16.250	16.250	3.100	
XII	Giáo dục - Đào tạo				19.616	11.100	8.155	4.000	
1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>								
	- Trường THPT Vĩnh Định (Giai đoạn 1)	Sở GD-ĐT	15 phòng	2005-2006	6.236	6.100	4.199	1.500	HT

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư hoặc TDT	Ước TH KL đến 31/12/2006	Trong đó đã cấp phát	Kế hoạch năm 2007	Ghi chú
	- Trường THPT Bến Quan	Sở GD-ĐT	15 phòng	2006-2007	4.780	3.000	2.456	1.000	HT, NS 2.500
	- Trường THPT Đông Hà	Sở GD-ĐT	20 phòng	2006-2007	8.600	2.000	1.500	1.500	HT, NS 4.000
XIII	Quản lý Nhà nước				32.346	11.800	11.038	9.700	
1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>								
	- Trụ sở MTTQVN tỉnh	UBMTT QVN tỉnh	1200m ²	2004-2006	6.080	5.000	4.500	1.300	HT
	- Trụ sở Sở Ngoại vụ	Sở Ngoại vụ	1.100 m ²	2006-2007	4.670	1.000	1.000	2.000	
	- Trụ sở BQL Di tích-Danh thắng tỉnh	Ban QLDT&DT	438 m ²	2006-2007	2.397	1.100	1.038	1.000	HT
	- Nhà làm việc, tập luyện và biểu diễn của Đoàn Nghệ thuật tổng hợp tỉnh Quảng Trị (Giai đoạn 1)	Đoàn NTTH tỉnh	1.700 m ²	2006-2007	4.600	1.500	1.000	1.500	
	- Sửa chữa trụ sở UBND tỉnh	VP UBND tỉnh		2006-2007	600	100	0	600	HT
	- Trụ sở Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh	VP Đoàn ĐBQH tỉnh	1890m ²	2006-2007	3.700	800	800	400	NS tỉnh 1200, HT
	- Cải tạo Nhà khách Tỉnh ủy 261	Văn phòng Tỉnh ủy	Nâng cấp	2005-2006	2.590	2.000	2.000	500	Trả nợ
	- Hỗ trợ sửa chữa nhà làm việc LĐLĐ tỉnh	LĐLĐ tỉnh	Sửa chữa	2006	700	300	700	400	Trả nợ
2	<i>Dự án khởi công mới</i>								
	- Cải tạo trụ sở Ban Dân tộc tỉnh	Ban Dân tộc	241m ²	2007	559	0	0	500	HT
	- Trụ sở Sở Tài nguyên - Môi trường	Sở TN&MT	1.725 m ²	2007-2008	6.450	0	0	1.500	
						0	0		
XIV	An ninh - Quốc phòng				30.500	5.700	3.100	3.970	
1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>								
	- Nâng cấp Trường Quân sự tỉnh	Bộ CHQS	2.628m ²	2004-2007	7.530	5.000	3.100	1.000	HT

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư hoặc TDT	Ước TH KL đến 31/12/2006	Trong đó đã cấp phát	Kế hoạch năm 2007	Ghi chú
		tỉnh							
	- Nhà tạm giữ hành chính thuộc công an huyện Triệu Phong, Đakrông và TX Quảng Trị	Công an tỉnh	287m ²	2007	850	700	0	770	HT
2	<i>Dự án khởi công mới</i>								
	- Mua xe chữa cháy Công an tỉnh	Công an tỉnh	03 xe	2007	6.600	0	0	700	NS tỉnh 700
	- Các công trình khu vực phòng thủ	Bộ CHQS tỉnh		2007-2009	15.520	0	0	1.500	
B.	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất				20.766	2.300	2.265	2.600	
	- Trụ sở Thanh tra tỉnh và Nhà tiếp công dân tỉnh	Thanh tra tỉnh	1.030 m ²	2006-2007	3.916	2.300	2.265	900	HT, NS 916
	- CSHT khu dân cư bán cho nguồn thu nhập thấp	Ban QLCSHT tỉnh	13,42ha	2007-2008	16.850	0	0	1.700	

Biểu 4**VỐN PHÂN CẤP HUYỆN THỊ QUẢN LÝ: 72.820 TRIỆU ĐỒNG**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 8.5/2006/NQ-HĐND ngày 09/12/2006 của HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 8)

TT	Huyện, thị xã	Tổng số (Bao gồm vốn thu từ tiền sử dụng đất)	Trong đó			
			Vốn NS tỉnh cân đối huyện, thị	Nhà ở giáo viên vùng khó	Vốn từ thu tiền sử dụng đất	Danh mục công trình tỉnh hỗ trợ
	Tổng số	72.820	32.420	1.000	37.400	2.000
1	Thị xã Đông Hà	23.050	6.050	-	17.000	
2	Thị xã Quảng Trị	5.650	2.150	-	3.500	
3	Huyện Vĩnh Linh	7.120	3.820	-	3.300	
4	Huyện Gio Linh	6.000	3.500	-	2.500	
5	Huyện Cam Lộ	5.680	3.180	-	2.500	
6	Huyện Triệu Phong	6.320	3.820	-	2.500	
7	Huyện Hải Lăng	8.320	3.820	-	2.500	Hỗ trợ trụ sở Huyện ủy 2.000
8	Huyện Đakrông	3.280	3.180	-	100	
9	Huyện Hướng Hóa	6.400	2.900	-	3.500	
10	Huyện đảo Cồn Cỏ	Bố trí từ nguồn TW cho huyện mới chia tách là 7.500 triệu đồng (Trong đó gồm cả sửa chữa vỏ tàu Ban CHQS huyện đảo 180 triệu đồng)				
11	Nhà ở giáo viên vùng khó	1.000				

Biểu 5

**TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THỊ NĂM 2007**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 8.5/2006/NQ-HĐND ngày 09/12/2006 của HĐND tỉnh khoá V, kỳ họp thứ 8)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Toàn tỉnh	Tỉnh quản lý chung	Các huyện thị	Hải Lũng	Thị xã Q. Trị	Triệu Ph. on g	Đông Hà	Cam Lộ	Đak Rông	H- ướ ng Ho á	Gio Linh	Vĩnh Linh	Cồ n Cỏ
	Tổng cộng	879.110	116.089	763.021	41.193	23.147	72.559	178.267	33.588	93.785	146.078	95.411	71.493	7.500
A	Nguồn vốn ngân sách cân đối	105.030	8.700	96.330	10.148	4.447	9.884	37.667	5.967	5.417	4.104	10.715	7.981	0
I	Trả nợ vay ngân hàng phát triển	17.340	0	17.340	2.428	1.040	3.208	867	1.387	780	954	5.115	1.561	0
II	Tình quản lý	52.270	8.700	43.570	1.800	1.257	2.756	30.750	1.300	1.207	0	2.000	2.500	0
III	Phân cấp huyện thị quản lý	35.420	0	35.420	5.920	2.150	3.920	6.050	3.280	3.430	3.150	3.600	3.920	0
1	Vốn NS tỉnh cân đối huyện, thị	32.420	0	32.420	3.820	2.150	3.820	6.050	3.180	3.180	2.900	3.500	3.820	0
2	Nhà ở giáo viên vùng khó	1.000	0	1.000	100	0	100	0	100	250	250	100	100	0
3	Công trình tình hỗ trợ	2.000	0	2.000	2.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0
B	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	70.000	0	70.000	2.500	3.500	2.500	39.600	2.500	100	3.500	12.500	3.300	0
I	Trả nợ vay kho bạc	30.000	0	30.000	0	0	0	20.000	0	0	0	10.000	0	0
II	Tình quản lý	2.600	0	2.600	0	0	0	2.600	0	0	0	0	0	0
III	Phân cấp huyện thị quản lý	37.400	0	37.400	2.500	3.500	2.500	17.000	2.500	100	3.500	2.500	3.300	0
C	Nguồn NSTW hỗ trợ có mục tiêu và chương trình mục tiêu	408.029	101.389	306.640	17.045	15.200	27.175	45.000	12.281	39.768	73.974	37.075	31.622	7.500
1	Trung ương hỗ trợ có mục tiêu	289.875	40.375	249.500	14.245	13.200	24.100	34.200	8.481	28.568	60.714	32.942	25.500	7.500
2	Chương trình mục tiêu	79.258	44.558	34.700	2.800	2.000	3.075	10.800	3.800	3.000	2.300	2.493	4.432	0

3	Chương trình 135	23.336	1.196	22.140	0	0	0	0	0	8.200	10.660	1.640	1.640	0
4	Chương trình 5 triệu ha rừng	13.560	13.560	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Chương trình PT-TH	2.000	1.700	0	0	0	0	0	0	300	0	0	0	0
6	Công trình văn hoá đặc biệt	70.000	0	70.000	0	0	33.000	37.000	0	0	0	0	0	0
D	Nguồn trái phiếu Chính phủ	69.500	0	69.500	0	0	0	0	0	11.000	44.500	14.000	0	0
E	Vốn ODA	156.551	6.000	150.551	11.000	0	0	19.000	12.840	37.500	20.000	21.121	28.590	0

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ GIAI ĐOẠN
2003 - 2010 Biểu 6
(TRUNG ƯƠNG THÔNG BÁO)**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 8.5/2006/NQ-HĐND ngày 09/12/2006 của HĐND tỉnh khoá V, kỳ họp thứ 8)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Quyết định phê duyệt TKKT+TDT		Tổng mức bố trí vốn trái phiếu Chính phủ 2003-2010	Ước TH đến 31/12/06	KH 2007	KH 2008	Ghi chú
				Số QĐ (Ngày, tháng, năm)	TMDT	Số QĐ (Ngày, tháng, năm)	TDT					
	TỔNG SỐ				340.184		60.042	209.500	112.000	69.500	28.000	
I	Đường giao thông đến trung tâm các xã chưa có đường ô tô				63.001		60.042	54.500	52.000	2.500	0	
1	Đường vào xã Ba Lòng và xã Hải Phúc, huyện Đakrông	9,82 km	2005-2006	179/QĐ-UB 27/01/05	24.648	491/QĐ-UB 28/3/05	24.648	22.600	22.600			
2	Đường vào xã Ba Nang, huyện Đakrông	6,1 km	2005-2006	2928/QĐ-UB 9/10/04	29.858	2266/QĐ-UB 21/9/05	26.972	24.400	24.400			
3	Đường vào xã Hướng Việt, huyện Hướng Hóa	4,661 km	2006-2007	735/QĐ-UB 27/4/06	8.495	468/QĐ-UB 22/6/06	8.422	7.500	5.000	2.500		
II	Các công trình thủy lợi miền núi				77.183			70.000	0	42.000	28.000	

1	Cụm công trình thủy lợi Tây Gio Linh	147,5 ha			22.387			20.000	0	14.000	6.000	
1.1	Hồ Phú Dụng, xã Gio Sơn	100 ha, nước SH 550 khẩu	2007-2008		10.809			10.000		6.000	4.000	
1.2	Hồ Giếng Tép, xã Gio An	22 ha, nước SH 150 khẩu	2007-2008		1.269			1.000		1.000		
1.3	Đập Bà, xã Gio Sơn	22 ha, nước SH 100 khẩu	2007-2008		476			400		400		
1.4	Hồ thôn 5, xã Hải Thái	29 ha, nước SH 120 khẩu	2007-2008		2.314			2.000		1.000	1.000	
1.5	Công trình thủy lợi Giếng Trạng, xã Gio An	28 ha, nước SH 150 khẩu	2007-2008		588			500		500		
1.6	Thủy lợi Cửa Đình, xã Gio An	60 ha, nước SH 200 khẩu	2007-2008		1.126			1.000		1.000		
1.7	Hồ Bàu Sen, xã Gio An	35 ha, nước SH 180 khẩu	2007-2008		1.361			1.100		1.100		
1.8	Hồ Hải Tân, xã Linh Hải	35,5 ha, nước SH 75 khẩu	2007-2008		2.877			2.500		1.500	1.000	
1.9	Hồ thôn 4B, xã Hải Thái	16 ha, nước SH 150	2007-2008		1.567			1.500		1.500		

		khẩu										
2	Hệ thống thủy lợi huyện Đakrông	188 ha			22.843			20.000	0	11.000	9.000	
2.1	Đập Khe Cây, xã Ba Lòng	40 ha	2007-2008		5.905			5.000		3.000	2.000	
2.2	Đập Khe Luồi, xã Mỏ Ó	51 ha, nước SH 244 khẩu	2007-2008		5.148			5.000		3.000	2.000	
2.3	Đập Tà Lũng, xã Tà Lèng	27 ha	2007-2008		4.290			4.000		2.000	2.000	
2.4	Đập Tiên Hiên, xã Hướng Hiệp	70 ha	2007-2008		7.500			6.000		3.000	3.000	
3	Hệ thống thủy lợi huyện Hướng Hoá	272 ha			31.953			30.000	0	17.000	13.000	
3.1	Đập Cù Bai, xã Hướng Lập	100 ha	2007-2008		10.000			9.000		5.000	4.000	
3.2	Hồ Làng Cù, xã Hướng Lộc	35 ha	2007-2008		3.500			3.500		2.500	1.000	
3.3	Đập Tà Rúi, xã Hướng Lộc	25 ha	2007-2008		2.500			2.500		1.500	1.000	
3.4	Đập Tăng Quan, xã A Xing	25 ha	2007-2008		2.500			2.500		1.500	1.000	
3.5	Đập Đơ Pa Lo, xã Pa Tầng	45 ha	2007-2008		4.500			4.500		2.500	2.000	
3.6	Đập Làng Cát, xã Hướng Sơn	22 ha	2007-2008		2.250			2.000		1.000	1.000	
3.7	Hồ Tân Độ I, thị trấn Khe Sanh	20 ha	2007-2008		6.703			6.000		3.000	3.000	
III	Dự án tái định cư thủy điện				200.000			85.000	60.000	25.000	0	
1	Di dân tái định cư Dự án Thủy điện- Thủy lợi Quảng Trị	354 hộ	2003-2007	1238/QĐ-UB 24/6/05	200.000			85.000	60.000	25.000		
	- Đền bù thiệt hại			Đã phê duyệt				5.000	5.000			
	- Xây dựng khu tái định cư			Đã phê duyệt và đang trình duyệt				40.345	30.345	10.000		
	- Hỗ trợ đời sống cho dân tái định cư			Đã phê duyệt				500	500			

- Hỗ trợ di chuyển Công ty TNHH Thái Hoà				1012/QĐ-UB 5/6/06	500	500	500			
- Tìm kiếm và quy tập mộ liệt sỹ				959/QĐ-UB 31/5/06	955	950	950			
- Thu dọn lòng hồ, phục hồi môi trường			Đang trình duyệt			1.700	1.700			
- Công trình phục vụ khu tái định cư			Đã phê duyệt và đang trình duyệt			33.000	18.500	14.500		
- Lập quy hoạch chi tiết các điểm tái định cư; hoạt động đền bù			Đã phê duyệt			3.000	2.500	500		

Biểu 7

BỘ TRÍ KẾ HOẠCH NĂM 2007
(CÁC DỰ ÁN KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH CỐ TỔNG BÍ THƯ LÊ DUẨN)

*(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 8.5/2006/NQ-HĐND ngày 09/12/2006
của HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 8)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	KH năm 2007	Trong đó, đã cấp tạm ứng năm 2006	Ghi chú
	Tổng số		70.000	30.000	
1	- Công viên đặt tượng đài cố TBT Lê Duẩn	UBND TX Đông Hà	4.500	1.000	HT
	- Tượng đài cố TBT Lê Duẩn	Sở VH- TT	7.000	200	HT
2	Sửa chữa, nâng cấp và xây mới kè Hậu Kiên	Sở NN&PTNT	5.000	3.000	
3	Đường nối tỉnh lộ 64 vào xã Triệu Đông	Sở GT-VT	8.000	3.000	HT
4	Cầu Bích La, xã Triệu Đông	Sở GT-VT	6.000	3.000	
5	Trường Chính trị Lê Duẩn	Trường Chính trị Lê Duẩn	2.500	1.500	HT
6	Trường THPT Vĩnh Định	Sở GD-ĐT	2.500	1.500	HT
7	Đường nối tỉnh lộ 68 vào xã Triệu Đông	UBND huyện Triệu Phong	2.500	1.500	
8	Trường THCS xã Triệu Thành	UBND huyện Triệu Phong	2.000	600	HT
9	Trạm y tế xã Triệu Thành	UBND huyện Triệu Phong	700	300	HT
10	Trường THCS xã Triệu Long	UBND huyện Triệu Phong	1.500	600	HT
11	Trung tâm Văn hoá- TDTT huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	4.800	1.400	
12	Quảng trường và Nhà Văn hoá tỉnh	Sở VH-TT	9.000	2.000	
13	Trung tâm Hội nghị tỉnh	VP.UBND tỉnh	14.000	10.400	HT

Biểu 8:

**BỘ TRÍ KẾ HOẠCH NĂM 2007 NGUỒN VỐN NSTW HỖ TRỢ
CÓ MỤC TIÊU VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**
(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 8.5/2006/NQ-HĐND ngày 09/12/2006
của HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 8)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục	Chủ đầu tư	KH năm 2007	Ghi chú
	TỔNG SỐ		411.629	
A	Trung ương hỗ trợ có mục tiêu		293.475	
I	ĐẦU TƯ THEO NQ 39-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ		30.700	
1	Hỗ trợ ưu đãi đầu tư		2.000	
2	Nông nghiệp nông thôn		8.050	
	- Kè chống sạt lở bờ sông Ba Lòng	UBND Đakrông	2.000	
	- Hỗ trợ điện KTM Gio An (Hỗ trợ xây dựng 1.562 m đường dây 22 KV và 1 trạm BA 100 KVA. Toàn bộ đường dây 0,4 và 0,2 KV do huyện đầu tư)	UBND Gio Linh	356	
	- TTKL Đề án ĐCĐC (Do Trung ương cắt vốn đột ngột)	Ban Dân tộc	1.224	
	TĐ: + Đường giao thông bản Hà- bản Lệt, xã Tân Thành, huyện Hướng Hoá	"	269	
	+ Hệ thống thuỷ lợi La Tó, xã Húc Nghi, huyện Đakrông	"	319	
	+ Hệ thống thuỷ lợi Tà Noong, xã Tân Lập, huyện Hướng Hoá	"	481	
	+ Đường giao thông bản Ka Túp, TT Lao Bảo, huyện Hướng Hoá	"	106	
	+ Khai hoang ruộng nước TL Kỳ Xay, xã A Ngo, huyện Đakrông	"	49	
	- Hồ Ái Tử		1.500	
	+ Hệ thống kênh mương	Sở Nông nghiệp và PTNT	1.500	
	- Trạm tuyển chọn và kho chứa hạt giống (Giai đoạn 2)	TT Giống cây trồng vật nuôi	1.000	
	- Tái định cư vùng lũ Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng	1.570	
	- Trụ sở Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông	BQL DA Khu BTTN Đakrông	400	
3	Giao thông	Sở Giao thông	6.800	
	- Cầu Nguồn Rào thuộc đường và xã Hướng Sơn	Sở GT-VT	3.000	
	- Bến xe trung tâm thị xã Đông Hà (Gồm cả đền bù)	Sở GT-VT	2.000	
	- Đường vào thôn Cu Vơ	UBND huyện	800	Hỗ trợ

		Hướng Hoá		huyện
	- Đường từ tỉnh lộ 75 Đông vào đình làng Hà Thượng	UBND huyện Gio Linh	1.000	Kỷ niệm 35 năm GP
4	Y tế		1.900	
	- Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh	TTYT dự phòng	200	
	- Trạm Y tế xã Cam An	UBND huyện Cam Lộ	300	Hỗ trợ TH ĐA y tế cơ sở
	- Trạm Y tế xã Hải Thọ	UBND huyện Hải Lăng	300	Hỗ trợ TH ĐA y tế cơ sở
	- Trạm Y tế xã Triệu Giang	UBND huyện Triệu Phong	300	"
	- Trạm Y tế phường 1, TX Quảng Trị	UBND TX.QTrị	300	"
	- Nhà ở cán bộ y tế tuyến huyện Hướng Hoá	Sở Y tế	200	"
	- Nhà ở cán bộ y tế tuyến huyện Đakrông	Sở Y tế	200	"
	- Nhà ở cán bộ y tế cụm Vĩnh Linh	UBND huyện Vĩnh Linh	100	"
5	Ngành Giáo dục- Đào tạo		2.200	
	- Trường THPT Bến Quan, huyện Vĩnh Linh	Sở GD-ĐT	500	
	- Trường THPT Tà Rụt	Sở GD-ĐT	500	
	- Trường THCS Thành Cổ	UBND TX.Quảng Trị	400	hỗ trợ thị xã
	- Trường tiểu học xã Vĩnh Lâm	UBND Vĩnh Linh	200	hỗ trợ huyện
	- Thiết bị phục vụ giảng dạy trường Chính trị Lê Duẩn	Trường Chính trị Lê Duẩn	400	HT
	- Trại thực hành thí nghiệm, trường Trung học nông nghiệp và phát triển nông thôn	Trường THNN&PTNT	200	
6	Ngành Văn hoá- Thông tin		2.250	
	- Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hoá thiếu nhi tỉnh	Nhà VHTN tỉnh	500	
	- Xây dựng Nhà bia tưởng niệm vùng chiến khu xưa Ba Lòng	UBND huyện Đakrông	600	Hỗ trợ huyện
	- Di tích vụ thảm sát Tân Minh- Gio Linh	TT BTDT&DT tỉnh	150	
	- Quảng trường tưởng niệm Thành Cổ Quảng Trị	UBND TX Quảng Trị	1.000	
7	Du lịch- Dịch vụ		2.000	
	- Chợ Đakrông	UBND huyện Đakrông	1.000	Hỗ trợ 10 năm thành lập huyện
	- Chợ Phiên Cam Lộ	UBND huyện Cam Lộ	500	CT kỷ niệm 35 năm GP
	- Chợ Do	UBND huyện Vĩnh Linh	500	

8	Quốc phòng- An ninh		2.500	
	- Trường Quân sự tỉnh	BCH Quân sự tỉnh	2.500	
9	Cơ sở hạ tầng đô thị Đông Hà	UBND TX Đông Hà	3.000	Hỗ trợ đô thị
II	CHƯƠNG TRÌNH BIỂN ĐÔNG HẢI ĐẢO (Có QĐ của Thủ tướng Chính phủ giao cụ thể)		32.700	
III	CHÍNH SÁCH 134		22.000	
1	Huyện Hướng Hoá (Gồm nước sạch cho thôn Cu Vơ)	UBND huyện Hướng Hoá	10.000	
2	Huyện Đakrông	UBND huyện Đakrông	9.000	
3	Huyện Vĩnh Linh	UBND huyện Vĩnh Linh	2.000	
4	Huyện Gio Linh	UBND huyện Gio Linh	900	
5	Huyện Cam Lộ	UBND huyện Cam Lộ	100	
IV	HẠ TẦNG CỬA KHẨU		20.000	
V	CƠ SỞ HẠ TẦNG DU LỊCH		21.000	
1	Đường Hồ Chí Minh huyện thoại	BQL Khu du lịch	11.000	
2	Khu sinh thái Trà Lộc	UBND huyện Hải Lăng	5.000	
3	Khu du lịch sinh thái Rú Linh	UBND huyện Vĩnh Linh	5.000	
VI	CHƯƠNG TRÌNH PTNT THỦY SẢN		10.000	
1	Trại cá giống Trúc Kinh	Sở Thủy sản	5.000	
2	Nâng cấp Trại cá giống La Ngà	"	500	
3	Dự án nuôi tôm bán thâm canh Hiền Lương	"	2.000	
4	Dự án nuôi tôm bán thâm canh Cửa Việt	Sở Thủy sản	1.500	
5	Nuôi cá nước ngọt huyện Gio Linh	"	500	
6	Nuôi cá nước ngọt Triệu Phong	"	500	
VII	HẠ TẦNG LÀNG NGHỀ		3.000	
1	Làng nghề Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	1.000	
2	Làng nghề Diên Sanh	UBND huyện Hải Lăng	2.000	
VIII	HẠ TẦNG CHỢ		2.000	
1	Chợ Cầu Gio Linh	UBND huyện Gio Linh	1.000	
2	Chợ Đakrông	UBND huyện Đakrông	500	
3	Chợ thị xã Quảng Trị	UBND TX Q. Trị	500	
IX	HỖ TRỢ HUYỆN XÃ CHIA TÁCH		10.000	

1	Huyện đảo Côn Cỏ	UBND huyện đảo Côn Cỏ	7.500	Gồm sửa chữa võ tầu 180tr
2	Thị trấn Cửa Việt, huyện Gio Linh (Gồm Trạm Y tế)	UBND huyện Gio Linh	2.500	
X	ĐẦU TƯ Y TẾ TỈNH, HUYỆN		13.000	
1	Hệ thống xử lý chất thải Bệnh viện Đa khoa tỉnh	BV Đa khoa tỉnh	2.000	
2	Xây mới Khoa nội liên chuyên khoa- Bệnh viện Đa khoa tỉnh	BV Đa khoa tỉnh	500	
3	Bệnh viện huyện Cam Lộ	Sở Y tế	4.500	
4	Bệnh viện huyện Triệu Phong	Sở Y tế	3.000	
5	Mua sắm trang thiết bị y tế cho các tuyến	Sở Y tế	2.000	
6	Hệ thống xử lý chất thải bệnh viện khu vực Triệu Hải	Sở Y tế	1.000	
XI	TRỤ SỞ XÃ		2.000	
1	Xã Tà Long, huyện Đakrông	UBND huyện Đakrông	500	
2	Xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ	UBND huyện Cam Lộ	500	
3	Xã Hải Dương, huyện Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng	500	
4	Xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	500	
XII	CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ BIÊN GIỚI		11.000	
1	Đường Đôn biên phòng Lao Bảo- Hướng Phùng	BCH Biên phòng tỉnh	5.000	
2	Nâng cấp mặt đường Lao Bảo- Hướng Phùng	"	2.000	
3	Đường đến 3 cặp cửa khẩu phụ Cheng, Tà Rùng, Thanh	Sở GTVT	4.000	
XIII	CÔNG TRÌNH THỂ DỤC-THỂ THAO		6.000	
1	Sân vận động Đông Hà giai đoạn 2	Sở TD-TT	4.000	
2	Sân vận động huyện Gio Linh (Đường vào và mặt sân)	UBND Gio Linh	1.500	Hỗ trợ huyện
3	Sân vận động thị xã Quảng Trị	UBND TX.QTrị	500	HT
XIV	PHỦ SÓNG PHÁT THANH- TRUYỀN HÌNH		1.000	
1	Thiết bị cho Đài Phát thanh- Truyền hình tỉnh	Đài PT-TH tỉnh	1.000	
XV	HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP	BQL Khu Công nghiệp	10.000	
XVI	ĐỐI ỨNG ODA		29.000	
1	Phát triển nông thôn huyện Triệu Phong	UBND Triệu Phong	1.800	Kết thúc DA
2	Cải thiện môi trường đô thị miền Trung (Thị xã Đông Hà)	Cty công trình đô thị Đông Hà	2.000	

3	Giảm nghèo miền Trung	BQL DA giảm nghèo Quảng Trị	10.500	
4	Chương trình Phát triển nông thôn Quảng Trị giai đoạn III	BĐH DA PTNT Quảng Trị	5.500	
5	Dự án Chia sẻ	Ban thư ký tỉnh, UBND huyện VLinh, GLinh	6.000	
6	Dự án HTKT tăng trưởng và giảm nghèo	BQLDA HTKT tăng trưởng-GN	1.200	
7	Đổi ứng các dự án JBIC		2.000	
XVII	ĐỀ ÁN TIN HỌC HOÁ CÁC CƠ QUAN ĐẢNG (ĐỀ ÁN 47)		2.475	
XVI II	CHƯƠNG TRÌNH KHÁC		49.000	
1	Cầu Cửa Việt	Sở GTVT	5.000	
2	Bể bơi tổng hợp tỉnh	BQL CSHT tỉnh	9.000	HT
3	Di tích đôi bờ Hiền Lương	Sở VH TT	5.000	HT
4	Đường tỉnh 70	Sở GTVT	6.000	Trả nợ
5	Đường từ Quốc lộ 1A vào Khu lưu niệm cố Tổng Bí thư Lê Duẩn	Sở GTVT	17.000	HT
6	Cầu Cửa Tùng	Sở GTVT	1.000	Đã bổ sung KH 2006: 5 tỷ
7	Khu Dịch vụ- Du lịch Cửa Việt	BQL Khu du lịch	6.000	
XIX	CHƯƠNG TRÌNH BỔ TRÍ LẠI DÂN CƯ		10.600	
1	DA. KTM vùng cát huyện Hải Lăng	UBND huyện Hải Lăng	1.000	
2	DA. KTM vùng cát huyện Gio Linh	UBND huyện Gio Linh	936	
3	DA. Ổn định dân cư và xây dựng vùng kinh tế mới vùng Cù, huyện Cam Lộ	UBND huyện Cam Lộ	756	
4	DA. Vùng Lìa, huyện Hướng Hoá	UBND huyện Hướng Hoá	275	
5	DA. Mô hình xã A Dơi	Chi cục Di dân PTVKTM	4.000	
6	DA. Di dân	nt	3.600	
7	DA. Kinh tế mới vùng cát Triệu Phong	UBND huyện Triệu Phong	33	
XX	CHƯƠNG TRÌNH ĐÊ BIỂN		8.000	
1	Nâng cấp đê Bắc Phước (Hữu Thạch Hãn)	Sở NN&PTNT	3.000	
2	Nâng cấp đê cát Hải Lăng	"	2.000	
3	Nâng cấp đê tả Bến Hải	"	3.000	

B	Chương trình mục tiêu		79.258	
I	CHƯƠNG TRÌNH XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO		4.550	
1	Chương trình 257 (Xã bãi ngang)		3.500	
	- Huyện Hải Lăng (2 xã)	UBND huyện Hải Lăng	1.400	
	- Huyện Triệu Phong (1 xã)	UBND huyện Triệu Phong	700	
	- Huyện Vĩnh Linh (2 xã)	UBND huyện Vĩnh Linh	1.400	
2	DA. Hướng dẫn người nghèo cách làm ăn, khuyến nông-lâm- ngư hỗ trợ phát triển sản xuất	Sở NN-PTNT và TT KN-KL tỉnh	800	
3	DA. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo và cán bộ xã nghèo	Sở LĐTB&XH	250	
II	CHƯƠNG TRÌNH DÂN SỐ- KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH		4.441	
1	DA. Truyền thông- Giáo dục thay đổi hành vi	UBDS GD&TE tỉnh	1.014	
2	DA. Lồng ghép tuyên truyền	"	546	
3	DA. Nâng cao chất lượng thông tin, dữ liệu về dân cư	"	293	
4	DA. Nâng cao chất lượng dân số	"	165	
5	DA. Lồng ghép dân số với phát triển gia đình bền vững	"	172	
6	Xây dựng chính sách và nâng cao năng lực quản lý	"	1.641	
7	DA. Chăm sóc sức khỏe sinh sản/ KHH-GD	"	610	
III	CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG MỘT SỐ BỆNH XÃ HỘI, BỆNH DỊCH NGUY HIỂM VÀ HIV/AIDS		5.348	
1	Hoạt động sự nghiệp		3.348	
	- DA. Phòng chống sốt rét	Sở Y tế	415	
	- DA. Phòng chống phong	"	85	
	- DA. Phòng chống lao	"	230	
	- DA. Phòng chống sốt xuất huyết	"	180	
	- DA. Tiêm chủng mở rộng	"	250	
	- DA. Phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	"	950	
	- DA. Sức khỏe tâm thần cộng đồng	"	360	
	- DA. Phòng chống HIV/AIDS	"	828	
	- Quân dân y kết hợp	"	50	
2	Đầu tư phát triển		2000	
	- Thiết bị phòng chống lao	"	2000	
IV	CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC SINH HOẠT VÀ VỆ SINH NÔNG THÔN	TT nước SH&VSMTNT	4.300	TĐ: vốn SN 300 triệu
1	Huyện Triệu Phong		1.575	
	TĐ: - TTKL hệ thống cấp nước Triệu An		985	

	- Hệ thống cấp nước Triệu Giang- Triệu Trung		590	
2	Huyện Hải Lăng		600	
	- Hệ thống cấp nước Văn Trị (Hải Tân)		600	
3	Huyện Vĩnh Linh		732	
	- TTKL hệ thống cấp nước Vĩnh Hiền		131	
	- Hệ thống cấp nước Vĩnh Sơn		601	
4	Huyện Gio Linh		993	
	- TTKL hệ thống cấp nước Gio Sơn		393	
	- Hệ thống cấp nước Hải Thái		600	
5	Chuẩn bị đầu tư 2008		85	
6	Hỗ trợ giếng khoan Hội Người mù		15	
7	Các mô hình hồ xí hợp vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh và tập huấn sử dụng chương trình nước		300	
V	CHƯƠNG TRÌNH VĂN HÓA (Hạng mục do Bộ Văn hóa- Thông tin chỉ định)		7.950	
1	Hoạt động sự nghiệp		1.950	
	- Mục tiêu bảo tồn di sản văn hoá	Sở VH-TT	950	
	- Mục tiêu xây dựng đời sống văn hoá cơ sở	Sở VH-TT	1.000	
2	Đầu tư phát triển		6.000	
	- Mục tiêu bảo tồn di sản văn hoá		5.500	
	+ Khu di tích trụ sở Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam	TT bảo tồn DT&DT tỉnh	3.000	
	+ Bảo tồn Làng văn hoá Khe Ngải- Đakrông	Sở VH-TT	2.500	
	- Mục tiêu phát triển Văn hoá- Thông tin cơ sở		500	
	+ Bản Cheng, xã Tân Liên, huyện Hướng Hoá	Sở VH-TT	500	
VI	CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC- ĐÀO TẠO		50.300	
1	Các dự án do Sở Giáo dục- Đào tạo làm chủ đầu tư		36.000	
	- DA. Đổi mới chương trình, nội dung sách giáo khoa	Sở GD-ĐT	9.800	
	- DA. Củng cố và phát huy kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, thực hiện phổ cập giáo dục Trung học cơ sở	"	3.500	
	- DA. Đào tạo cán bộ tin học và đưa tin học vào nhà trường	"	2.000	
	- DA. Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên	"	700	
	- DA. Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc ít người và vùng có nhiều khó khăn.	"	8.000	
	- DA. Tăng cường cơ sở vật chất các trường học, các Trung tâm KTTT- HN, xây dựng một số trường ĐH,TH	Sở Giáo dục- Đào tạo	12.000	
2	Các dự án do các đơn vị khác làm chủ đầu tư		14.300	
	- Dự án tăng cơ sở vật chất các Trường Sư phạm	Trường CĐSP QTrị	6.300	
	- Dự án tăng cường năng lực đào tạo nghề		8.000	
	+ Tăng cường thiết bị dạy nghề:		5.700	

	Trường Dạy nghề tổng hợp tỉnh	Trường DNTH tỉnh	2.500	
	Trung tâm Dạy nghề Tổng hợp Hải Lăng	TT DNTH Hải Lăng	800	
	Trung tâm Dạy nghề Tổng hợp Vĩnh Linh	TT DNTH Vĩnh Linh	800	
	Trung tâm Dạy nghề Tổng hợp Cam Lộ	TT DNTH Cam Lộ	800	
	Trung tâm Dạy nghề Tổng hợp Triệu Phong	TT DNTH Triệu Phong	800	
	+ Dạy nghề ngắn hạn cho nông dân, dân tộc thiểu số, người tàn tật	Các TTKTTH-HN dạy nghề	2.300	
VII	CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM	Công an tỉnh	620	
VIII	CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÒNG CHỐNG MA TUÝ	Công an tỉnh	1.000	
IX	CHƯƠNG TRÌNH BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG VÀ VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM	Sở Y tế	589	
X	CHƯƠNG TRÌNH VIỆC LÀM (1)		160	
1	Chương trình phát triển thị trường lao động	Sở LĐTB&XH	100	
2	Tập huấn lao động việc làm	Sở LĐTB&XH	60	
C	Chương trình 135		23.336	
1	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng xã đặc biệt khó khăn		18.900	
	Huyện Gio Linh (2 xã)	UBND huyện Gio Linh	1.400	
	Huyện Vĩnh Linh (2 xã)	UBND huyện Vĩnh Linh	1.400	
	Huyện Hướng Hoá (13 xã)	UBND huyện Hướng Hoá	9.100	
	Huyện ĐaKrông (10 xã)	UBND ĐaKrông	7.000	
2	DA. Hỗ trợ phát triển sản xuất		3.240	TĐ: Vốn ĐTPT: 1.350, SN: 1.890
	Huyện Gio Linh (2 xã)	UBND huyện Gio Linh	240	
	Huyện Vĩnh Linh (2 xã)	UBND huyện Vĩnh Linh	240	
	Huyện Hướng Hoá (13 xã)	UBND huyện Hướng Hoá	1.560	
	Huyện ĐaKrông (10 xã)	UBND huyện ĐaKrông	1.200	
3	DA. Nâng cao chất lượng cán bộ xã	Ban Dân tộc	1.080	
4	Hỗ trợ Ban chỉ đạo chương trình 135	Tỉnh, huyện	116	
D	Chương trình 5 triệu ha rừng		13.560	

	(Phân bổ sau vì chưa xác định được khối lượng cụ thể của trồng rừng phòng hộ và rừng sản xuất)			
E	Chương trình Phát thanh- Truyền hình		2.000	Vốn SN
1	Phát triển và phủ sóng Phát thanh- Truyền hình vùng lõm	Đài PT-TH tỉnh	2.000	Có 300tr trạm Hương Việt

Ghi chú: (1) Không bao gồm 3.500 triệu đồng vốn cho vay giải quyết việc làm bổ sung mới đã chuyển sang Ngân hàng chính sách xã hội